

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SƯ TỬ VÀNG



HỒ SƠ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG

Số: 01/CT TMDT Sư tử vàng/2024

Tên sản phẩm: Trà trầm hương

Tên tổ chức: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Sư tử vàng

Địa chỉ: Tỉnh lộ 2, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh

Điện thoại: 0903.356.668

Diên Khánh, năm 2024



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Bản tự công bố sản phẩm	
2	Quyết định công bố tiêu chuẩn	
3	Tiêu chuẩn sản phẩm	
4	Phụ lục 1 - Mẫu nhãn sản phẩm	
5	Phụ lục 2 - Quy trình sản xuất	
6	Phiếu kiểm nghiệm	

13/05/2014

13/05/2014

13/05/2014

13/05/2014

13/05/2014

13/05/2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/CT TMĐT Sur tử vàng/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Sur tử vàng

Địa chỉ: Tỉnh lộ 2, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh

Điện thoại: 0903.356.668 Email: tuananh201275@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201678226

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 41/GCNATTP-SCT; Ngày cấp: 7/10/2022; Nơi cấp: Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Trà trầm hương.

2. Thành phần: Hoa trầm.

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói có khối lượng tịnh 10g, 20g, 30g, 40g, 50g, 60g, 70g, 80g, 90 g, 100g, 200g, 250g, 300g, 400g, 500g, 650g, 700g, 800g, 900g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 5 kg hoặc theo nhu cầu thị trường.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu nilon, PE, PP, giấy, carton, đảm bảo ATTP theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Không.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn dự kiến đính kèm tại phụ lục 1).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Sur tử vàng sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm số TCCS 01:2024/CT TMĐT Sur tử vàng.

REVISED 1/4

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Diên Khánh, ngày 20 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)





CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI
ĐẦU TƯ SỰ TỬ VÀNG
Số: 01/2024/BHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Diên Khánh, ngày 20 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SỰ TỬ VÀNG

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BKH&CN ngày 18/11/2021 của Bộ KH&CN Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 01:2024/CT TMĐT Sự tử vàng
Hiệu lực áp dụng: Áp dụng cho sản phẩm Trà trầm hương của doanh nghiệp sản xuất.

Điều 2. Bộ phận sản xuất, kinh doanh và cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đúng những yêu cầu nêu ra trong tiêu chuẩn này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SƯ TỬ VÀNG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: TCCS 01:2024/CT TMĐT Sư tử vàng

- Tên sản phẩm: Trà trầm hương.
- Hiệu lực áp dụng: Áp dụng cho sản phẩm Trà trầm hương của doanh nghiệp sản xuất.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]



LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở do Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Sư tử vàng xây dựng và ban hành để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm Trà trầm hương theo quyết định số 01/2024/BHTC ban hành 20 ngày 09 tháng năm 2024 của Giám đốc.

Tiêu chuẩn này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.



PHẦN KHÁI QUÁT

1. Thông tin chung

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 01:2024/CT TMDT Sư tử vàng.

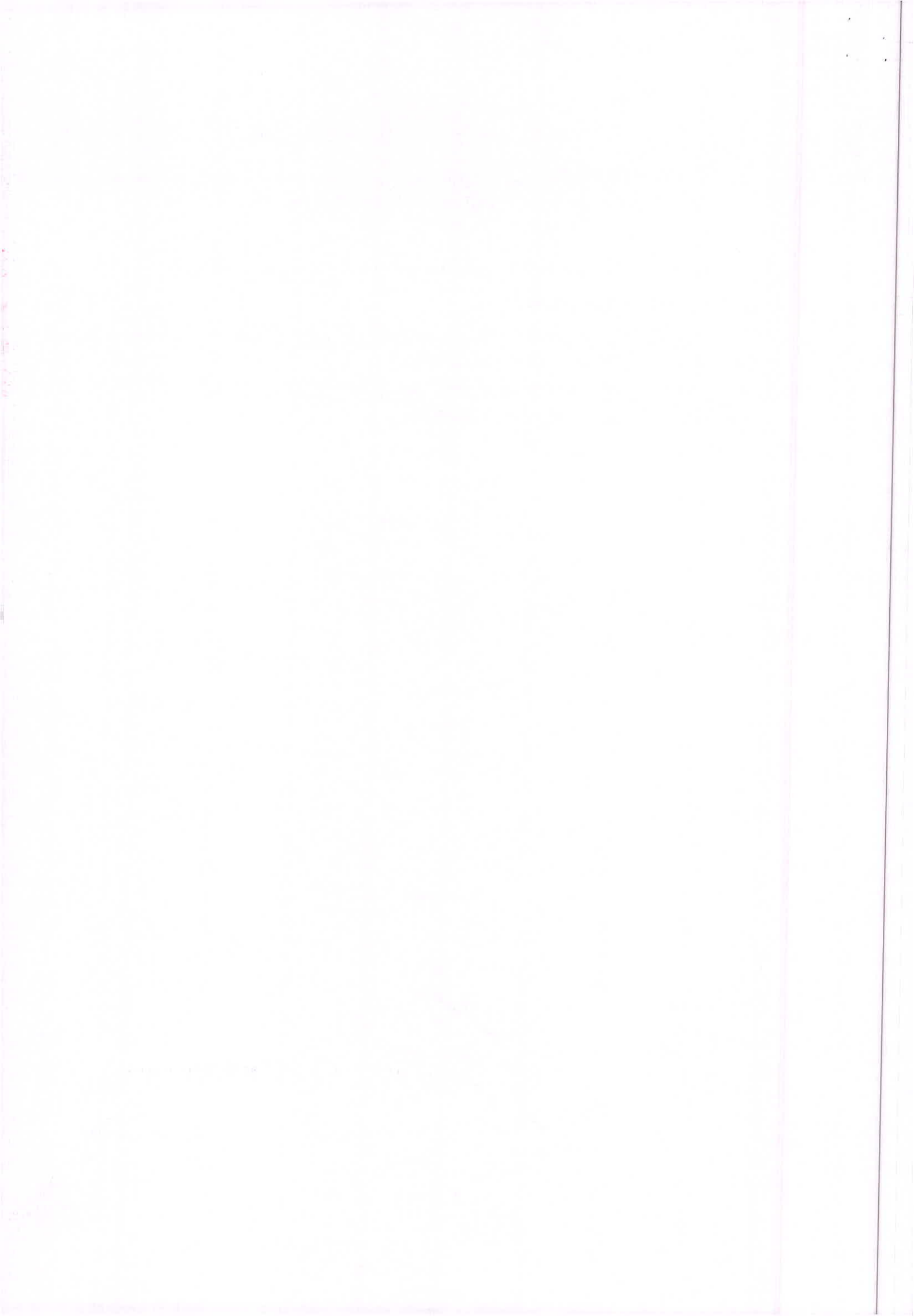
2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho sản phẩm Trà trầm hương của doanh nghiệp sản xuất.

3. Tài liệu tham khảo

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

- Thông tư 11/2021/TT-BKH&CN ngày 18/11/2021 của Bộ KH&CN Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.



PHẦN KỸ THUẬT

1. Chất lượng các yếu tố đầu vào

TT	Tên nguyên liệu	Yêu cầu chất lượng
1	Trà	- Tươi, không bị sâu bệnh, cách ly đủ thời gian sau khi sử dụng thuốc BVTV

2. Tiêu chí chất lượng

2.1. Chỉ tiêu cảm quan

TT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng khô ráo
2	Màu sắc	Màu xanh đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm
4	Vị	Vị thơm đặc trưng của sản phẩm
5	Tạp chất	$\leq 5\%$

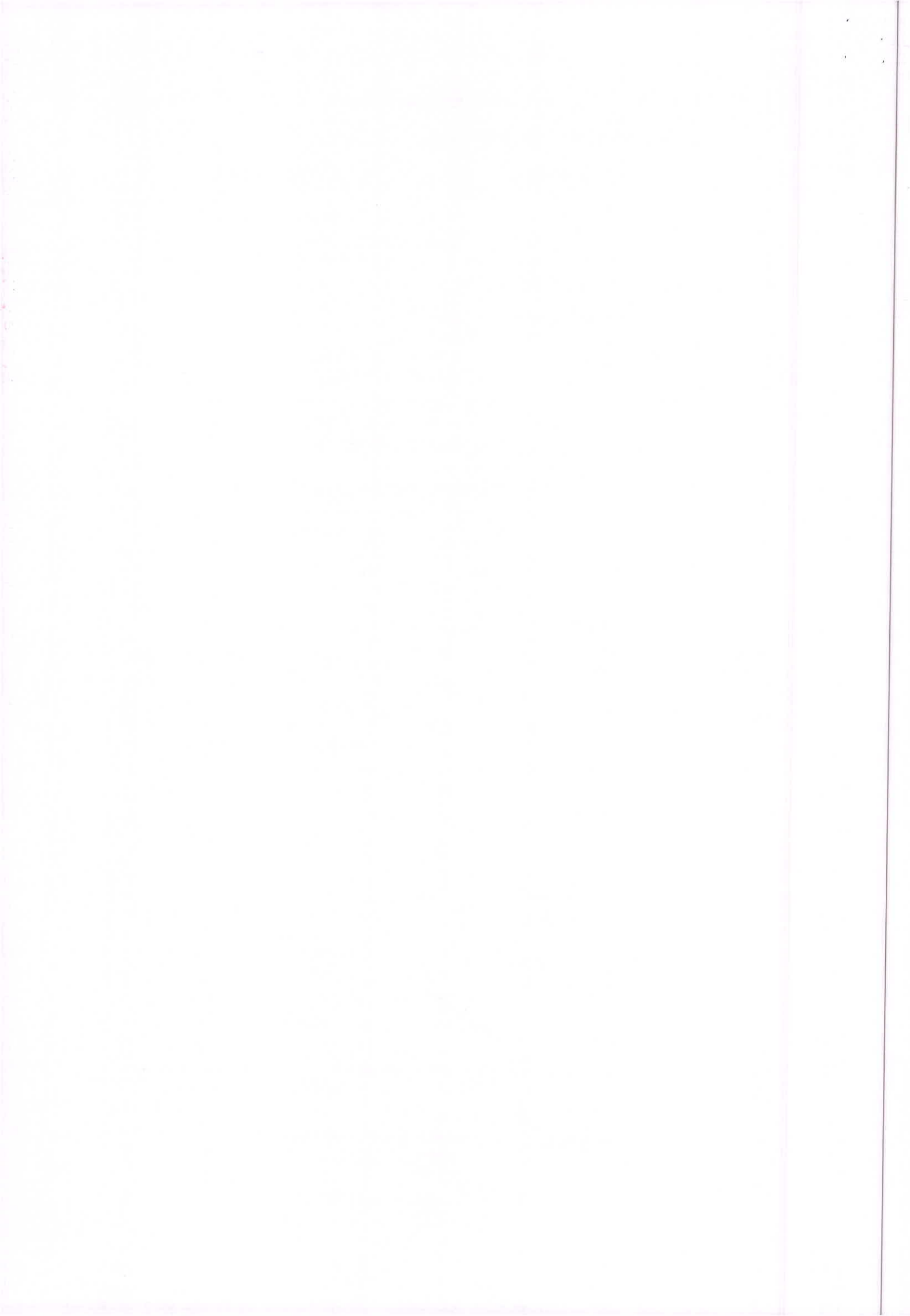
2.2. Chỉ tiêu giới hạn kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	As	mg/kg	$\leq 1,0$
2	Cd	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Pb	mg/kg	$\leq 2,0$
4	Hg	mg/kg	$\leq 0,05$

2.3. Chỉ tiêu giới hạn vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
2	<i>Coliform</i>	CFU/g	$\leq 10^3$
3	<i>Salmonella</i>	CFU/g	KPH
4	TSBTNM-NM	CFU/g	$\leq 10^4$

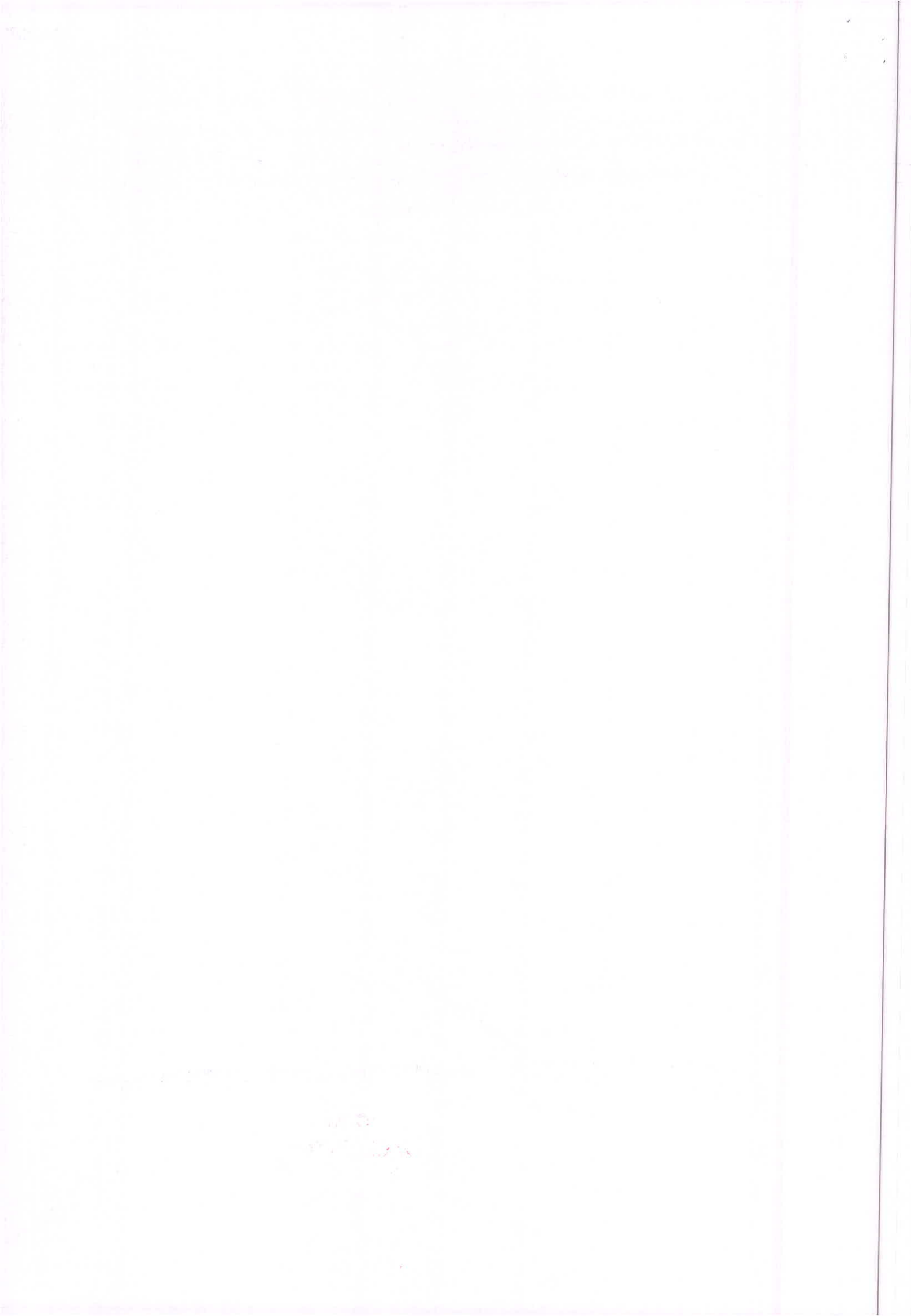
2.5. Chỉ tiêu giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật



Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với quy định tại Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Phương pháp thử

- Sản phẩm được thử nghiệm các chỉ tiêu trên ở Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 và đáp ứng các yêu cầu của quy định pháp luật.





Phụ lục 1
MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Trà trầm hương

Tên sản phẩm: Trà trầm hương

Thành phần: Hoa trầm 100%

Hướng dẫn sử dụng:

Bước 1: Pha 0,5g trà (5-10 bông) vào nước sôi,

Bước 2: Loại bỏ nước đầu, thêm 160ml nước, khuấy nhẹ

Bước 3: Thưởng thức. Nên dùng trước 20 phút trước hoặc sau bữa ăn và 30 phút trước khi ngủ

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, đậy kín sau khi dùng.

Lưu ý: Không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng

HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX: In trên bao bì

Sản xuất tại: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Sư Tử Vàng

Địa chỉ: Tỉnh lộ 2, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh

Chăm sóc khách hàng: 0903.356.668 – (+84) 1900 234 579

Xuất xứ: Việt Nam

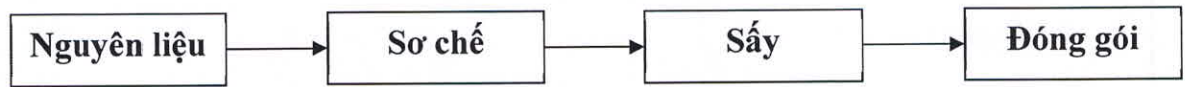
Số TCB: 01/CT TMĐT Sư tử vàng/2024

Website: hoangtram.com.vn

Email: tuananh201275@gmail.com



Phụ lục 2
QUY TRÌNH SẢN XUẤT





Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/09/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y644I0191

Mã KQ/ RP. No: 002007501.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ SỰ TỬ VÀNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Thôn Cẩm Sơn, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 09/09/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 09/09/2024 - 14/09/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Trà trầm hương
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi zip kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) ^(s) / Arsenic (As) (*) ^(s)	0.015	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
2	Cadimi (Cd) (*) ^(s) / Cadmium (Cd) (*) ^(s)	0.321	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
3	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	0.332	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
4	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	5.0x10 ¹	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
6	Coliforms (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
7	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
8	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc/ Total spores of yeasts and moulds	< 10	CFU/g	-	TS-KT-VS-142:2023 (Ref. TCVN 8275-2:2010, ISO 21527-2:2008)
9	Nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ Cúc (*) ^(s) / Group of Pyrethroid pesticides (*) ^(s) ⁽¹⁾		mg/kg	-	TS-KT-SK-14:2020
	Cypermethrin (*)	1.04			
	Cyhalothrin (lambda + gamma) (*)	0.309			



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

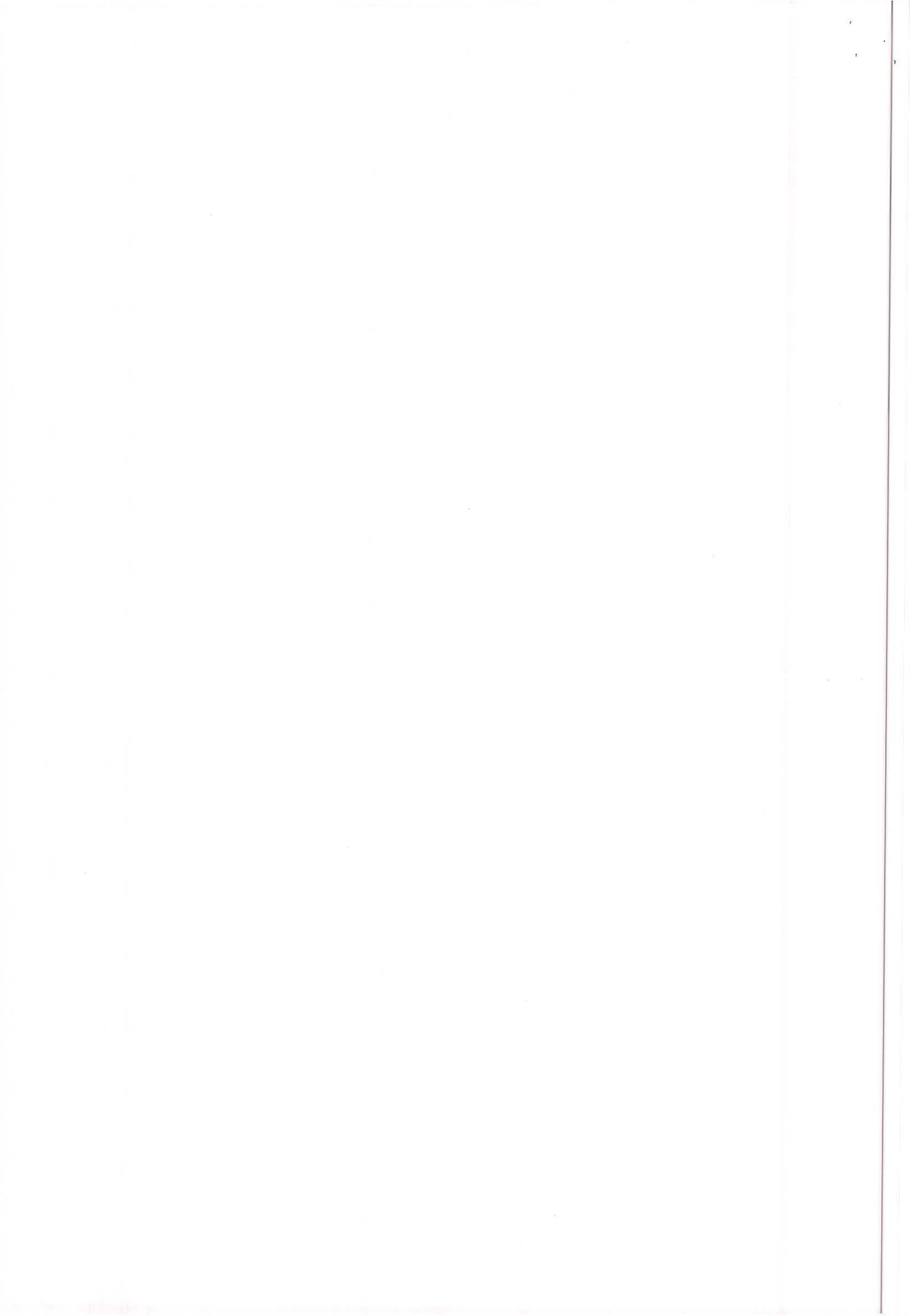
Website: <http://tsi-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/09/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y64410191

Mã KQ/ RP. No: 002007501.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
-------------	---------------------------------------------	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------

Chú thích/ Remarks:

(1): Các thuốc BVTV (phụ lục đính kèm) nếu không được liệt kê bên trên thì có kết quả dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Tested items (attached list) have their result under the method's limit of detection, unless listed above. Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử. / When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL. / (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

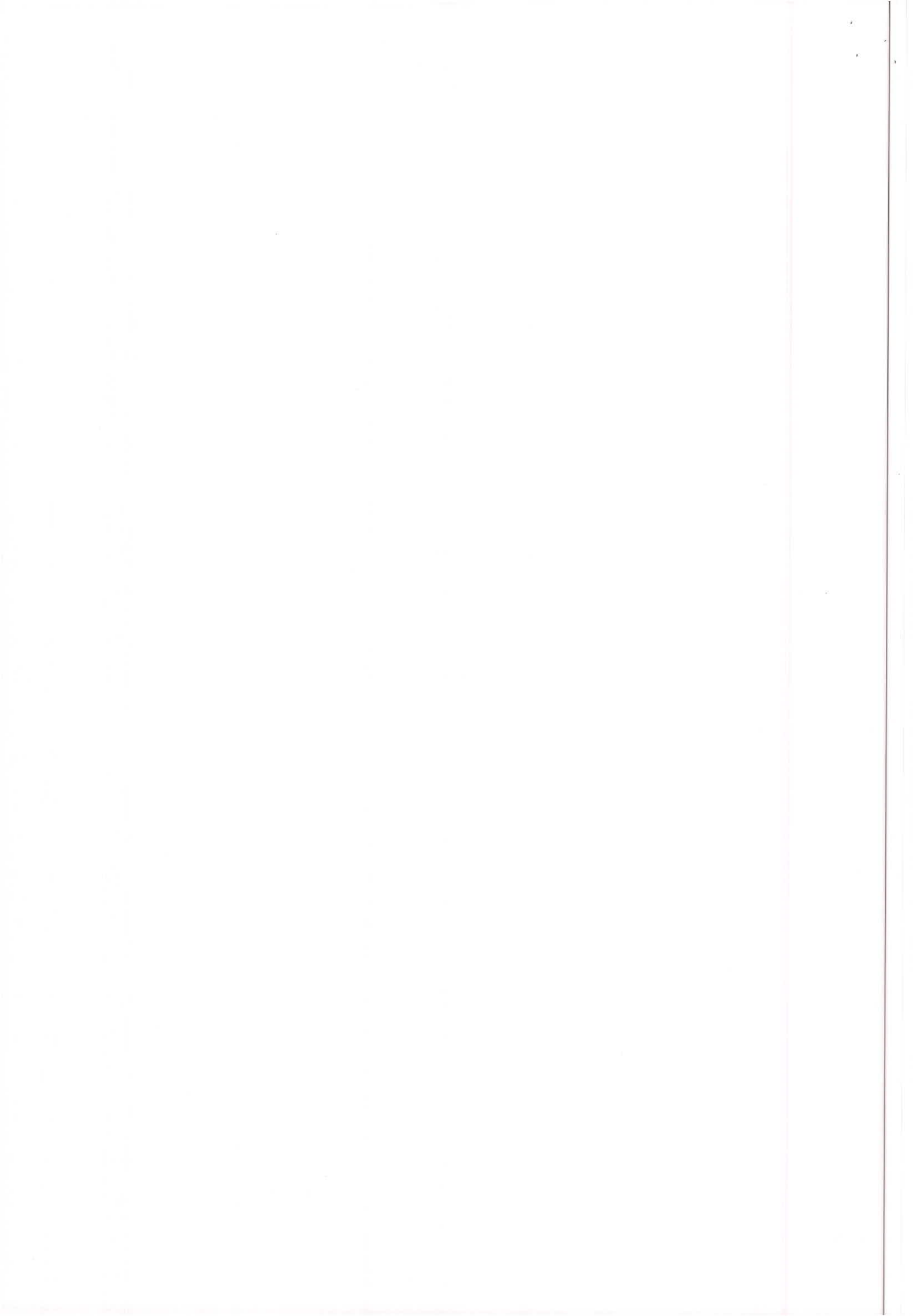
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/09/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y644I0191

Mã KQ/ RP. No: 002007501.00

PHỤ LỤC THUỐC BVTV ĐÃ ĐƯỢC KIỂM NGHIỆM TRÊN MẪU:

STT No.	CHẤT PHÂN TÍCH Parameters	LOD (mg/kg)
I.	Thuốc BVTV họ Cúc/ Pyrethroid pesticides residues	
1	Allethrin (*)	0.003
2	Benfluralin (*)	0.003
3	Bifenthrin (*)	0.003
4	Cyfluthrin (*)	0.003
5	Cyhalothrin (lambda + gamma) (*)	0.003
6	Cypermethrin (*)	0.003
7	Deltamethrin (*)	0.003
8	Ethafuraline (*)	0.003
9	Etofenprox (Ethofenprox) (*)	0.003
10	Fenfluthrine (*)	0.003
11	Fenpropathrin (*)	0.003
12	Fenvalerate (*)	0.003
13	Flucythrinate (*)	0.003
14	Flumetralin (*)	0.003
15	Fluvalinate (*)	0.003
16	Permethrin (*)	0.003
17	Profluralin (*)	0.003
18	Resmethrin (*)	0.003
19	Tefluthrine (*)	0.003
20	Tetramethrin (*)	0.003
21	Transfluthrin (*)	0.003



